TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 97/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2020
V/v "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Rạt.

2/ Ông La Văn Việt.

***Thư ký Tòa án*:** Bà Nguyễn Thị Kim Cương, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 05-6-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (Tọa lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2020 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2020 và Thông báo mở phiên tòa ngày 19/5/2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thúy V, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

2.*Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Thúy V trình bày: Bà và ông G sống với nhau năm 2019, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nay thấy tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn ông G.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: 01 dây chuyền vàng trọng lượng 10 chỉ, loại vàng 24kara 99,9%, 01 cặp lắc vàng trọng lượng 06 chỉ, loại vàng 24kara 99,9%, 01 kiềng vàng trọng lượng 04 chỉ, loại vàng 24kara 99,9%, trị giá 20 chỉ vàng là 90.000.000đ. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nhận 20 chỉ vàng, bà đồng ý đưa cho ông G số tiền 45.000.000đ.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng G trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông xác nhận thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng, vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà V xin ly hôn thì ông không đồng ý vì vẫn còn thương vợ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Nếu tòa án xử cho ông ly hôn, ông yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, về tài sản chung như bà V đã trình bày, sau khi ly hôn ông yêu cầu nhận giá trị tài sản chung là 45.000.000đ, còn số vàng 20 chỉ, loại vàng 24kara 99,9% để cho bà V nhận.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Thúy V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng G, ông G hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thúy V và ông Nguyễn Hoàng G chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019, không có đăng ký kết hôn. Việc bà V và ông G sống với nhau không đăng ký kết hôn căn cứ vào văn bản xác nhận của UBND xã Hòa Khánh Đông ngày 06/02/2020. Vì vậy, hôn nhân giữa bà V và ông G không được xem là hôn nhân hợp pháp vì đã vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Huỳnh Thị Thúy V và ông Nguyễn Hoàng G là vợ chồng.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Bà V và ông G thống nhất tài sản chung là 20 chỉ vàng, loại vàng 24kara 99,9%, trị giá khoản 90.000.000đ, bà V yêu cầu nhận 20 chỉ vàng, bà V đồng ý đưa cho ông G 45.000.000đ, ông G để cho bà V nhận 20 chỉ vàng, ông G đồng ý nhận 45.000.000đ. Việc bà V và ông G thống nhất chia tài sản chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Bà V và ông G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thúy V chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung, ông Nguyễn Hoàng G chịu án phí yêu cầu chia tài sản chung theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: Bà V chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối với 20 chỉ vàng, loại vàng 24kara 99,9%, bà V và ông G thống nhất giá trị 90.000.000đ, bà V chịu án phí 45.000.000đ x 5% = 2.250.000đ. Ông G chịu án phí 45.000.000đ x 5% = 2.250.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thúy V đối với ông Nguyễn Hoàng G về việc "Ly hôn, chia tài sản chung".

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Thị Thúy V và ông Nguyễn Hoàng G là vợ chồng.

- Về tài sản chung: Bà V được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng 20 chỉ vàng, loại vàng 24kara 99,9%. Buộc bà V phải trả cho ông G 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Thúy V chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.250.000đ án phí chia tài sản chung sung công quỹ nhà nước, bà V được khấu trừ 300.000đ đã tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004620 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà để thi hành, bà V còn phải nộp 2.250.000đ.

Ông Nguyễn Hoàng G chịu 2.250.000đ án phí chia tài sản chung sung công quỹ nhà nước, ông G được khấu trừ 1.125.000đ đã tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004760 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà để thi hành, ông G còn phải nộp 1.125.000đ.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-TAND tỉnh Long An;
- UBND xã Hòa Khánh Đông;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Quyên